

KQ/260008708

No.: NA260601-15NT02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

VILAS 1399

- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- NT02: Nước thải sinh hoạt khu kỹ túc xá sau hệ thống xử lý nước thải công suất 280m3/ngày.đêm tại điểm đầu nối vào KCN. Tọa độ: 11°9'9,036"N – 106°20'1,513"E

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)****Nguyễn Tuấn Huy****TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)****Hoàng Hoài**

KQ/260010858
 No.: NA260702-14NT02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**

Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM) - Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh**

Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải

Số lượng/ Quantity : 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 02/07/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/07/2026

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu nước chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	LOD/ Dải đo (LOD/ Meas. range)	Kết quả (Result)	Tiêu chuẩn đầu nối KCN Phước Đông
					NT02	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,54	6 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ Total dissolved solids	mg/L	QT-N-005	0 ÷ 100.000	195	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2023	1,5	3,2	150
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0	12,2	250
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0	5,2	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium (NH ₄ ⁺ as N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	0,5	11,5	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,015	2,3	-
8	Sulfua (S ²⁻)/ Sulfide	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,03	KPH	0,5
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)/ Phosphat (PO ₄ ³⁻ as P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,01	0,55	-
10	Chất hoạt động bề mặt anion/ Anionic surfactants	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,03	KPH	-
11	Dầu mỡ động thực vật/ Animal & vegetable fats and oils	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	KPH	-
12	Tổng Coliform/ Total Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2	7,9x10 ²	5.000

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/260008713
 No.: NA260601-15KT08-09

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**

Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM) - Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh**

Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải

Số lượng/ Quantity : 02 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 01/06/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result : 15/06/2026

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 2*(02 giấy lọc, 02 chai dung dịch, 02 ống hấp phụ)

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	LOD/ Dải đo (LOD/ Meas. range)	Kết quả (Result)		QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT08	KT09	Cột B/ (Column B (Kp=0,8; Kv=1))
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	480	4.080	-
2	Bụi tổng (PM)/ Total Particulate Matter	mg/Nm ³	US EPA 05	0,2	2,2	0,59	160
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA 08	3,0	KPH	KPH	40
4	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	700 ^(a)
5	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	150 ^(a)
6	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	5 ^(a)
7	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	260 ^(a)

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo, không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement, Partial copies of this test result sheet are not allowed;
- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dusts;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

Ngày BH (Date issued): 03/03/2023

Lần BH (Times issued): 03

BM 7.8-08

Trang (Page): 1/2

KQ/260008713

No.: NA260601-15KT08-09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- (a): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT08: KT08: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 1233294,3/ Y= 590027,8
- KT09: KT09: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 1233208,2/ Y= 590133,3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy



TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)

Hoàng Hoài

